TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2020/HS-ST
Ngày: 14-7-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Minh Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Ngọc Quyên và bà Đoàn Thị Thanh Nhàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thuận, Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Quỳnh, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 107/2020/HSST ngày 29 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 210/2020/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo:

Họ và tên: Lê Minh Đ (Tên gọi khac: Hiếu); sinh ngày 07/5/1997, tại thành phố Hải Phòng; Nơi cư trú: thôn Q, xã H, huyện F, thành phố Hải Phòng; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Lê Minh Tám, sinh năm 1974; Con bà: Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1977; Vợ: Trần Thị Thanh Ngọc, sinh năm 1997; Con: chưa có.

** Về nhân thân:*

Từ tháng 09/2015 đến tháng 10/2017 tham gia nghĩa vụ quân sự tại Bộ tư lệnh vùng 1, Quân chủng hải quân.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Bà Dương Thị Diệu V, sinh năm 1962; nơi cư trú: 02 Hồ F, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

- Bà Đoàn Thị D, sinh năm 1969; nơi cư trú: 06 P, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

- Chị Trần Thị Ngọc P, sinh năm 1973; nơi cư trú: 25/6 O, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1985; nơi cư trú: 15 V, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

- Chị Ngô Thị Nh, sinh năm 1975; nơi cư trú: 73 H, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 4/2019, biết được trên địa bàn thành phố H có nhiều người dân cần vay tiền để kinh doanh, tiêu dùng với thủ tục đơn giản, nên Lê Minh Đ đã vào thành phố H và thực hiện việc cho vay lãi suất cao nhằm thu lời bất chính. Toàn bộ số tiền vay do Đ bỏ ra và cũng là người quản lý.

Phương thức hoạt động cho vay của của Lê Minh Đ như sau: khi có người quen giới thiệu hoặc ai điện thoại đề nghị vay tiền thì Đ sẽ trực tiếp hẹn gặp người đó để xác minh nơi ở và yêu cầu xem thông tin chứng minh nhân dân, bằng lái xe, hộ khẩu của họ để kiểm tra thông tin người cần vay đưa ra có đúng hay không, sau đó thỏa thuận việc cho vay. Theo yêu cầu của Lê Minh Đ hình thức vay chủ yếu là vay trả góp cả gốc lẫn lãi hằng ngày hoặc lấy tiền lãi hằng ngày đến khi có đủ tiền gốc để trả (lãi vay đứng). Tiền phí làm hồ sơ là từ 04% đến 20% tổng số tiền vay và bị trừ ngay vào số tiền vay. Người vay phải nộp trước 01 hoặc 02 ngày và cũng bị trừ vào số tiền vay.

Những người vay tiền của Đ gồm:

1. Bà Dương Thị Diệu V vay 03 lần, cụ thể như sau:

- Lần 1: Bà V vay 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), thời hạn vay là 25 ngày, lãi suất 1%/ngày, tương đương 365%/năm, cao gấp 18.25 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của pháp luật, trả góp gốc và lãi 1.000.000 đồng/ngày. Đ thu trước 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) phí làm hồ sơ (10%) và 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tiền góp của ngày đầu và ngày cuối. Bà V đã trả đủ cho Đ 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng), gồm tiền lãi trong 25 ngày là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) và 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tiền phí. Đ thu lợi 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng), gồm 273.900 đồng (Hai trăm bảy mươi ba nghìn chín trăm đồng) tiền lãi theo quy định pháp luật và 6.726.100 đồng (Sáu triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn một trăm đồng) tiền thu lợi bất chính.

- Lần 2: Với hình thức vay như lần thứ nhất, bà V vay 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Bà V đã trả đủ cho Đ 27.000.000 đồng. Đ thu lợi 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng), gồm 273.900 đồng (Hai trăm bảy mươi ba nghìn chín trăm đồng) tiền lãi theo quy định pháp luật và 6.726.100 đồng (Sáu triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn một trăm đồng) tiền thu lợi bất chính.

- Lần 3: Với hình thức vay như các lần trước, bà V vay 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) nhưng chị V mới trả được 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng), gồm 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tiền phí và 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng) tiền góp. Đ thu lợi 4.600.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng), gồm 124.400 đồng tiền lãi theo quy định của pháp luật và 4.475.600 đồng (Hai triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm đồng) tiền thu lợi bất chính.

Tổng cộng Lê Minh Đ cho bà V vay 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng). Chị V đã trả cho Đ 51.000.000 đồng (Năm mươi mốt triệu đồng tiền gốc) và 18.600.000 đồng (Mười tám triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền lãi và tiền phí. Đ thu lợi 18.600.000 đồng (Mười tám triệu sáu trăm nghìn đồng), gồm 672.200 đồng (Sáu trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm đồng) tiền lãi theo quy định của pháp luật và 17.927.800 đồng (Mười bảy triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn tám trăm đồng) tiền thu lợi bất chính.

2. Bà Đoàn Thị D vay 02 lần, cụ thể như sau:

- Lần 1: Bà D vay 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), thời hạn vay là 25 ngày, lãi suất 1%/ngày, tương đương 365%/năm, cao gấp 18.25 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của pháp luật, trả góp gốc và lãi 1.000.000 đồng/ngày. Đ thu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) phí làm hồ sơ (10%). Bà D mới trả được 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng), gồm 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) tiền góp và 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tiền phí. Đ thu lợi 4.400.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm nghìn đồng), gồm 131.500 đồng (Một trăm ba mươi mốt nghìn năm trăm đồng) tiền lãi theo quy định của pháp luật và 4.268.500 đồng (Hai triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm đồng) tiền thu lợi bất chính.

- Lần 2: Với hình thức vay như lần thứ nhất, bà D vay 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), lãi suất 100.000 đồng/ngày. Đ thu 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) phí làm hồ sơ (10%). Bà D mới góp được 01 ngày là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), Đ thu lợi 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm nghìn đồng) gồm 5.400 đồng (Năm nghìn bốn trăm đồng) tiền lãi theo quy định pháp luật và 1.094.600 đồng (Một triệu chín mươi bốn nghìn sáu trăm đồng) tiền thu lợi bất chính.

Tổng cộng Lê Minh Đ cho bà D vay 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Bà D đã trả cho Đ 15.500.000 đồng. Gồm 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) tiền gốc, 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm nghìn đồng) tiền lãi và tiền phí. Số tiền Đ thu lợi là 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm nghìn đồng), gồm 136.900 đồng (Một trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm đồng) tiền lãi theo quy định pháp luật và 5.363.100 đồng (Năm triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn một trăm đồng) tiền thu lợi bất chính.

3. Chị Trần Thị Ngọc P vay 03 lần. Cụ thể:

- Lần 1: Chị P vay 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), Đ thu 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng) phí làm hồ sơ (8%), mỗi ngày góp 400.000 đồng (Bốn

trăm nghìn đồng) trong thời hạn 32 ngày, tiền lãi mỗi ngày là 87.500 đồng (Tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng), tương đương 319.375%/năm, vượt quá 22,8125 lần mức lãi suất cao nhất theo qui định của pháp luật. Chị P đã trả đủ 13.600.000 đồng (Mười ba triệu sáu trăm nghìn đồng). Đ thu lợi 3.600.000 đồng (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng) gồm 175.300 đồng (Một trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm đồng) tiền lãi theo quy định pháp luật và 3.424.700 đồng (Ba triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn bảy trăm đồng) tiền thu lợi bất chính.

- Lần 2: Với hình thức vay như lần thứ nhất, chị P vay 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), Đ thu 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng) tiền phí làm hồ sơ. Chị P đã trả đủ 13.600.000 đồng (Mười ba triệu sáu trăm nghìn đồng). Đ thu lợi 3.600.000 đồng (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng) gồm 175.300 đồng tiền lãi theo quy định pháp luật và 3.424.700 đồng (Hai triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn bảy trăm đồng) tiền thu lợi bất chính.

- Lần 3: Chị P vay với số tiền 5.000.000 đồng, Đ thu 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) (10%) tiền phí làm hồ sơ. Hình thức vay là trả lãi hàng ngày, thu cho đến lúc chị P có đủ tiền gốc trả cho Đ (lãi vay đứng), lãi mỗi ngày 100.000 đồng, tương đương 730%/năm vượt gấp 36,5 lần mức lãi suất cao nhất quy định của pháp luật. Đ thu lợi trong 31 ngày là 3.600.000 đồng (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng) gồm 3.100.000 đồng (Ba triệu một trăm nghìn đồng) tiền lãi (gồm 84.900 đồng tiền lãi theo quy định pháp luật và 3.515.100 đồng (Ba triệu năm trăm mười lăm nghìn một trăm đồng) tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật) và 500.000 đồng tiền phí.

Tổng cộng Lê Minh Đ cho chị P vay 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng). Chị P đã trả cho Đ 35.800.000 đồng (Ba mươi lăm triệu tám trăm nghìn đồng). Gồm 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) tiền gốc, 10.800.000 đồng (Mười triệu tám trăm nghìn đồng) tiền lãi và tiền phí. Số tiền Đ thu lợi là 10.800.000 đồng (Mười triệu tám trăm nghìn đồng), gồm 435.500 đồng (Bốn trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm đồng) tiền lãi theo quy định pháp luật và 10.364.500 đồng (Mười triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn năm trăm đồng) tiền thu lợi bất chính.

4. Chị Nguyễn Thị Kim H vay với số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), Đ thu 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) tiền phí làm hồ sơ (4%), mỗi ngày góp 200.000 đồng tiền lãi vay đứng, tương đương 730%/năm, vượt quá 36,5 lần mức lãi suất cao nhất qui định của pháp luật. Chị H đã lãi được 15,5 ngày là 3.100.000 đồng (Ba triệu một trăm nghìn đồng). Đ thu lợi 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) gồm 87.600 đồng tiền lãi theo quy định pháp luật và 3.412.400 đồng (Ba triệu bốn trăm mười hai nghìn bốn trăm đồng) tiền thu lợi bất chính.

5. Chị Ngô Thị Nh vay với số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), Đ thu 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) tiền phí làm hồ sơ (8%), tiền lãi vay đứng mỗi ngày là 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) tương đương 730%/năm, vượt quá 36,5 lần mức lãi suất cao nhất qui định của pháp luật. Trong 13 ngày chị Nh đã góp tiền lãi đứng là 1.300.000 đồng (Một triệu ba trăm nghìn đồng).

Tổng số tiền Đ thu lợi là 1.700.000 đồng (Một triệu bảy trăm nghìn đồng) gồm 35.600 đồng tiền lãi theo quy định pháp luật và 1.664.400 đồng (Một triệu sáu trăm sáu mươi bốn nghìn bốn trăm đồng) tiền thu lợi bất chính.

Như vậy, tổng số tiền mà Lê Minh Đ cho 05 người vay 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng). Trong đó vay trả góp cả vốn và lãi là 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng), vay trả lãi hàng ngày (Lãi vay đứng) là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Người vay đã trả cho Đ 121.100.000 đồng (Một trăm hai mươi mốt triệu một trăm nghìn đồng), trong đó có 81.000.000 đồng (Tám mươi mốt triệu đồng) tiền gốc. Đ thu lợi 40.100.000 đồng (Bốn mươi triệu một trăm nghìn đồng), trong đó khoản thu lợi bất chính là 38.732.200 đồng (Ba mươi tám triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn hai trăm đồng).

Về trách nhiệm dân sự:

Những người vay tiền của Đ không có yêu cầu gì.

Tại bản cáo trạng số 121/CT-VKS-HS ngày 28 tháng 5 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế truy tố bị cáo Lê Minh Đ về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Lê Minh Đ phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1, 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 01 năm tù; phạt bổ sung từ 30 triệu đồng đến 40 triệu đồng.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Buộc bị cáo Lê Minh Đ phải nộp lại số tiền gốc cho vay đã thu lại được 81.000.000đồng và số tiền lãi không vượt quá mức lãi suất tối đã quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 1.367.800đồng vào Ngân sách nhà nước.

+ Buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm bà V, bà D, chị P, chị H, chị Nh phải nộp lại số tiền gốc 49.000.000đồng vào Ngân sách Nhà nước. Trong đó số tiền mỗi người phải nộp lại như sau: bà V: 9.000.000đồng, bà D 20.000.000đồng, chị P 5.000.000đồng, chị H 10.000.000đồng, chị Nh 5.000.000đồng.

- Về trách nhiệm dân sự: Số tiền 38.732.200đồng tiền thu lợi bất chính từ bà V, bà D, chị P, chị H, chị Nh do những người nay không có yêu cầu bị cáo trả lại nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sung công quỹ Nhà nước.

- Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2019 đến tháng 12/2019, tại địa bàn thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, Lê Minh Đ đã cho 05 người: Dương Thị Diệu V, Đoàn Thị D, Trần Thị Ngọc P, Nguyễn Thị Kim H và Ngô Thị Nh vay tổng số tiền là 130.000.000 đồng với lãi suất gấp từ 18,25 lần đến 36,5 lần so với mức lãi suất 20%/năm (là mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015). Đ thu lợi 40.100.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính là 38.732.200 đồng. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đã truy tố bị cáo Lê Minh Đứ về tội "cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; nhận thức rõ việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ vụ lợi nên đã lợi dụng sự quẫn bách về tài chính của người khác để thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì mang tính bóc lột, trực tiếp xâm phạm trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, gây mất trật tự trị an nên phải xử lý nghiêm.

[3] Về nhân thân, tình tiết tặng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, từng có thời gian phục vụ trong Quân đội nhân dân Việt Nam nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với số tiền gốc 130.000.000 đồng mà bị cáo Lê Minh Đ sử dụng cho vay, đây là số tiền bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần truy thu nộp vào Ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, người vay mới trả cho bị cáo 81.000.000 đồng tiền gốc nên chỉ truy thu từ bị cáo số tiền này. Số tiền gốc còn lại 49.000.000 đồng chưa trả cho bị cáo nên cần truy thu từ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với khoản tiền lãi 1.367.800 đồng, không vượt quá mức lãi suất tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự mà bị cáo đã thu của 05 người vay, đây là số tiền Lê Minh Đ thu lợi từ việc phạm tội nên cần truy thu nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự.

Đối với số tiền lãi thu lợi bất chính 38.732.200 đồng gồm của những người sau: Bà Dương Thị Diệu V: 17.927.800 đồng; bà Đoàn Thị D: 5.363.100 đồng; chị Trần Thị Ngọc P: 10.364.500 đồng; chị Nguyễn Thị Kim H: 3.412.400 đồng; chị Ngô Thị Nh: 1.664.400 đồng là số tiền bị cáo thu được theo lãi suất nặng, vượt quá quy định rất nhiều lần nên được xem là số tiền chiếm đoạt bất hợp pháp của 05 người vay. Do đó, cần buộc bị cáo trả lại cho họ để giải quyết triệt để vấn đề về dân sự.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Lê Minh Đ (tên gọi khác: Hiếu) phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo Lê Minh Đ, buộc bị cáo phải nộp số tiền 70.000.000đồng (Bảy mươi triệu đồng) vào Ngân sách Nhà nước.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; Điều 280; khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự; căn cứ điều 106 bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

- Buộc bị cáo phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền gốc là 81.000.000 đồng và số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.367.800đồng.

- Buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền gốc là 49.000.000đồng. Cụ thể như sau: Bà Dương Thị Diệu V nộp số tiền 9.000.000 đồng; bà Đoàn Thị D nộp 20.000.000 đồng; chị Trần Thị Ngọc P nộp 5.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Kim H nộp 10.000.000 đồng; bà Ngô Thị Nh nộp 5.000.000 đồng.

Buộc bị cáo phải trả lại những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền 38.732.200 đồng. Cụ thể như sau: Bà Dương Thị Diệu V: 17.927.800 đồng; bà Đoàn Thị D: 5.363.100 đồng; chị Trần Thị Ngọc P: 10.364.500 đồng; bà Nguyễn Thị Kim H: 3.412.400 đồng; bà Ngô Thị Nh: 1.664.400 đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 23; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Lê Minh Đ phải chịu 200.000 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Lê Minh Đ phải chịu (38.732.200đồng x 5%) = 1.936.000đồng.

Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho các bị cáo có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở tư pháp tỉnh TT Huế;
- Phòng PV 06 CA tỉnh TT Huế;
- VKSND TP Huế;
- CA thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Bị cáo;
- Người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tôn Minh Hiền